

A Choa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1963 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 và được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 10/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ - Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 2183/TTr-SNN-VPĐP ngày 05/6/2019 về việc xây dựng Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu tạm thời tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí; tham mưu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cơ chế hỗ trợ Khu dân cư kiểu mẫu theo quy định của pháp luật; chủ trì, giám sát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện tại các huyện, thành phố.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và thẩm định, ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, KGVX, TH.

*(Khoa.Cnn/385.Qdkdckieumau)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Quốc Thái**



# BỘ TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ KIỂU MẪU TẠM THỜI TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-UBND  
ngày 26/16/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. Khu dân cư thực hiện phải thuộc xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

II. Đạt các tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
<b>I</b>	<b>MÔI TRƯỜNG – CẢNH QUAN</b>		
<b>1</b>	<b>Môi trường</b>	1.1. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải.	100%
		1.2. Tỷ lệ tuyến đường ngõ, xóm đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.	≥ 90%
		1.3. Tỷ lệ tuyến đường trong khu dân cư có hệ thống thoát nước đạt theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải.	- ≥ 80% - Các tuyến còn lại đảm bảo việc tiêu thoát nước không gây ngập úng.
		1.4. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch	- 100% (Có hệ thống cung cấp nước tập trung). - 90% (Sử dụng nước sạch theo quy định).
<b>2</b>	<b>Cảnh quan</b>	2.1. Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào xanh, công, ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hòa với cảnh quan đặc trưng của địa phương.	100%
		2.2. Tỷ lệ hộ gia đình: bố trí công trình phụ hợp lý; thực hiện 03 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	100%
		2.3. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.	100%
		2.4. Không có tụ điểm kinh doanh tự phát hoạt động trong khu dân cư.	Đạt
<b>II</b>	<b>VĂN HÓA – Y TẾ - GIÁO DỤC</b>		
		3.1. Tỷ lệ hộ gia đình được phổ biến và chấp hành chủ trương, chính sách của	100%

3	Văn hóa	Đảng; pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.	
		3.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	≥ 95%
		3.3. Tỷ lệ các công trình văn hóa chung có trên địa bàn được quản lý, sử dụng có hiệu quả.	100%
4	Y tế	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và được quản lý, theo dõi sức khỏe.	≥ 98%
5	Giáo dục	Tỷ lệ hộ gia đình không có học sinh bỏ học, học sinh vi phạm kỷ luật tại nơi học tập.	100%
<b>III TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI - Ý THỨC CÔNG DÂN</b>			
6	Trật tự an toàn xã hội	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia mô hình tự quản về an ninh trật tự	≥ 50%
7	Ý thức công dân	Tỷ lệ hộ gia đình đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của pháp luật và các khoản khác đã thống nhất trong khu dân cư.	100%